TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2026
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Cổn.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/205/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1994; đăng ký thường trú: Thôn N, phường A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ tạm trú: Khu nhà ở ở Tập thể Công ty Cổ phần G, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, đồng thời có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc T1, sinh năm 1979; đăng ký thường trú: Thôn N, phường A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ tạm trú: Khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, đồng thời có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Bà Bùi Thị T và ông Trần Ngọc T1 có tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là Khu phố N, phường A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/12/2022. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng làm chung Công ty nhưng lại không

tin tưởng nhau, ông T1 có sự kiểm soát quá mức đối với bà T2, thường có những lời nói, hành vi không đúng mực, thiếu tôn trọng đối với tôi làm cho cuộc sống hôn nhân trở nên ngột ngạt, không hề có hạnh phúc, bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2025 cho đến nay. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T1.

Quá trình chung sống, bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Hoàng Minh T3, sinh ngày 28/6/2023. Con chung hiện tại đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông T1 cũng có phụ giúp bà T đưa đón con đi học, chăm sóc con. Nay ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Trần Ngọc T1 trình bày:

Ông T1 và bà Bùi Thị T sau thời gian tìm hiểu thì quyết định tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, Thành phố Hải Phòng vào cuối năm 2022. Sau khi kết hôn thì vợ chồng đã chung sống với nhau tại B, Bình Dương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu cũng rất hạnh phúc, thời gian sau này mới phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau. Tuy nhiên theo ông T1 thì những mâu thuẫn này là nhỏ nhặt, không đáng kể, không trầm trọng đến mức ly hôn. Mặc dù vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2025 nhưng ông T1 vẫn thường xuyên chăm sóc con cái phụ bà T. Ông T1 vẫn muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà T nhưng bà T không nghe, vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với ông T1 thì nay ông T1 cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về vấn đề con chung: Giữa ông T1 và bà T có 01 đứa con chung tên Trần Hoàng Minh T3, sinh ngày 28/6/2023. Ông T1 thừa nhận từ sau khi vợ chồng không chung sống với nhau thì con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên ông T1 vẫn thực hiện nghĩa vụ của người cha, vẫn phụ bà T chăm sóc, đưa đón con đi học, con chung hiện tại cũng còn nhỏ (dưới 3 tuổi). Nay ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con thì cũng hợp lý nên ông T1 đồng ý. Việc bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng thì ông cũng không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà đồng thời có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con; bị đơn ông Trần Ngọc T1 có địa chỉ cư trú tại: Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn bà Bùi Thị T và bị đơn ông Trần Ngọc T1 đều đã trình bày ý kiến và đều đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà T và ông T1 đều thừa nhận có tự nguyện cùng nhau đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là Khu phố N, phường A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/12/2022. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Trần Ngọc T1 là hợp pháp.

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T1 do bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay, hiện tại bà T đã hết tình cảm với ông T1. Bị đơn ông T1 thừa nhận quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân với nhau từ giữa năm 2025 cho đến nay nhưng theo ông T1 thì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, ông T1 vẫn còn tình cảm với bà T và không muốn ly hôn với bà T, tuy nhiên bà T đã nhất quyết yêu cầu ly hôn với ông nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của đôi bên, trong vụ án các bên đã sống ly thân trong một thời gian và không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng; Cả bà T và ông T1 đều không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm nhau. Do đó, quan hệ vợ chồng giữa ông T1 và bà T không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T đối với bị đơn ông Trần Ngọc T1 về yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông T1 và bà T đều thừa nhận quá trình chung sống, ông T1 và bà T có một con chung là Trần Hoàng Minh T3, sinh ngày 28/6/2023, hiện tại đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét bà T có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, con chung đang

dưới 36 tháng tuổi, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà T cũng phù hợp với ý kiến của ông T1 nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị T phải chịu theo quy định.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T đối với bị đơn ông Trần Ngọc T1 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Bùi Thị T được ly hôn với bị đơn ông Trần Ngọc T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Hoàng Minh T3, sinh ngày 28/6/2023 cho bà Bùi Thị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Bùi Thị T và ông Trần Ngọc T1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông T1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Bùi Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0019392 ngày 24/9/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật/.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV.18, TP.HCM;
- Phòng THADS KV.18, TP.HCM;
- UBND phường An Dương, TP.Hải Phòng
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Bích